

Họ và tên:

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Số thích hợp điền vào ô trống là: $\dots + 4 = 7$

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 2. Tìm hình thích hợp để đặt vào dấu “?”



- A.  B.  C.  D. 

Câu 3. Các số: 4; 9; 3; 8 được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 4; 3; 8; 9 B. 3; 4; 8; 9 C. 9; 8; 4; 3 D. 3; 4; 9; 8

Câu 4. Các số: 0; 7; 5; 1; 10 được xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

- A. 0; 1; 5; 7; 10 B. 1; 0; 5; 7; 10 C. 10; 7; 5; 1 D. 10; 5; 7; 1

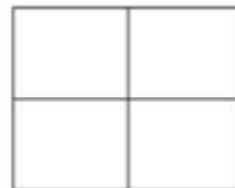
Câu 5. Các số bé hơn 7 là:

- A. 4; 9; 6 B. 4; 2; 1 C. 3; 5; 8 D. 4; 9; 8

Câu 6. Hình vẽ bên có bao nhiêu hình vuông?

- A. 6 B. 5

- C. 4 D. 3



PHẦN II. TỰ LUẬN

Bài 1. Tính nhẩm:

$1 + 5 = \dots$

$6 - 3 = \dots$

$3 + 4 = \dots$

$10 - 9 = \dots$

Bài 2: Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào chỗ chấm:

a) $7 \dots 4$

$9 - 6 \dots 4$

b) $2 \dots 5$

$3 + 4 \dots 5 + 2$

Bài 3.

A, Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: 10; 0; 5; 7; 3; 2.

.....

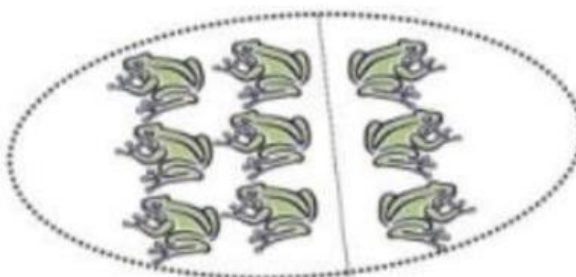
B, Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: 9; 6; 0; 2; 4; 1.

.....

Bài 4. Dựa vào tranh, viết phép tính thích hợp.



$$\square \bigcirc \square = \square$$



--	--	--	--	--

Bài 5. Điền số thích hợp vào ô trống:

Hình bên có:

.....

.....

.....

.....

